Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 63

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Bà Ngô Thị Văn Hạnh	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Văn Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Quân Minh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2025
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Khánh Trang được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 05/2601/UQ/YEG có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 1 năm 2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Khánh Trang
Giám đốc Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12925844/68610385/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 63, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
M.S.D.N: 0300811802-C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2026-004-1

Hoàng Anh Khôi
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 6454-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.870.935.494.083**	**1.305.306.889.451**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***288.524.181.242***	***136.236.074.178***
111	1. Tiền		121.524.181.242	125.344.482.100
112	2. Các khoản tương đương tiền		167.000.000.000	10.891.592.078
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***164.600.000.000***	***1.230.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	164.600.000.000	1.230.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.305.199.947.643***	***1.101.930.451.740***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	539.420.115.084	351.157.857.253
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	369.672.191.130	353.377.447.486
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	256.063.268.000	355.269.960.018
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	161.724.203.814	113.140.517.320
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(21.679.830.385)	(71.015.330.337)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***12***	***97.855.839.839***	***40.804.852.414***
141	1. Hàng tồn kho		97.855.839.839	40.804.852.414
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***14.755.525.359***	***25.105.511.119***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	9.851.906.402	15.054.268.237
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	4.872.339.667	10.019.963.592
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	31.279.290	31.279.290

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**925.445.778.563**	**1.207.562.711.144**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		**223.233.334.800**	**477.290.973.579**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	24.000.000.000
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	9	19.890.000.000	10.990.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	10	203.343.334.800	442.300.973.579
220	***II. Tài sản cố định***		***223.327.926.322***	***208.544.841.945***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	5.452.363.066	10.300.656.939
222	Nguyên giá		12.681.738.494	16.097.844.675
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.229.375.428)	(5.797.187.736)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	217.875.563.256	198.244.185.006
228	Nguyên giá		310.113.732.544	243.416.211.684
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(92.238.169.288)	(45.172.026.678)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***57.177.622.222***	***63.162.748.821***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	57.177.622.222	63.162.748.821
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***18***	***124.915.632.725***	***111.178.423.767***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	124.915.632.725	103.807.419.542
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	11.615.625.000	19.715.625.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(11.615.625.000)	(12.344.620.775)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***296.791.262.494***	***347.385.723.032***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	25.606.498.943	42.009.118.834
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	1.331.876.134	3.513.354.336
269	3. Lợi thế thương mại	16	269.852.887.417	301.863.249.862
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.796.381.272.646**	**2.512.869.600.595**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**675.630.266.168**	**1.012.991.101.726**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***630.726.249.783***	***962.985.040.933***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	149.093.578.776	137.590.758.890
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		945.762.696	13.959.803.176
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	28.279.825.499	40.757.934.104
314	4. Phải trả người lao động		13.995.873.114	14.383.857.602
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	81.109.306.439	78.176.209.568
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	50.179.527.970	147.901.263.340
320	7. Vay ngắn hạn	23	304.271.257.481	527.364.096.445
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.851.117.808	2.851.117.808
330	***II. Nợ dài hạn***		***44.904.016.385***	***50.006.060.793***
338	1. Vay dài hạn	23	36.866.802.037	50.006.060.793
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.3	8.037.214.348	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.120.751.006.478**	**1.499.878.498.869**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***2.120.751.006.478***	***1.499.878.498.869***
411	1. Vốn cổ phần	24.1	1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.918.020.350.000*	*1.370.014.540.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	75.418.254	140.518.254
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	35.116.241	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	148.680.047.310	72.654.634.776
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) lũy kế đến cuối năm trước*		*72.118.115.899*	*(53.053.428.791)*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*76.561.931.411*	*125.708.063.567*
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	53.940.074.673	57.068.805.839
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.796.381.272.646**	**2.512.869.600.595**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	27.1	1.639.063.078.002	1.026.485.549.969
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	27.1	-	(390.681.797)
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	27.1	1.639.063.078.002	1.026.094.868.172
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	28	(1.424.028.369.399)	(855.243.703.997)
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		215.034.708.603	170.851.164.175
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	27.2	120.349.183.176	191.906.506.913
22	**7. Chi phí tài chính**	29	(27.197.709.414)	(51.108.323.960)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(25.900.554.619)*	*(28.208.427.529)*
24	**8. Phần lỗ trong công ty liên kết**	18.1	(1.456.928.964)	(15.223.546.244)
25	**9. Chi phí bán hàng**	30	(39.335.239.608)	(26.239.808.550)
26	**10. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	30	(167.762.629.718)	(151.633.232.794)
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		99.631.384.075	118.552.759.540
31	**12. Thu nhập khác**		503.155.131	1.073.324.563
32	**13. Chi phí khác**	31	(5.455.043.465)	(9.003.540.240)
40	**14. Lỗ khác**		(4.951.888.334)	(7.930.215.677)
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		94.679.495.741	110.622.543.863
51	**16. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	33.1	(7.059.602.748)	(12.081.916.503)
52	**17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	33.3	(10.218.692.550)	24.033.663.235
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		77.401.200.443	122.574.290.595

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**76.561.931.411**	**125.708.063.567**
62	**20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát**	**26**	**839.269.032**	**(3.133.772.972)**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**25**	**422**	**918**
71	**22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**25**	**422**	**918**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P.
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**94.679.495.741**	**110.622.543.863**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	14, 15, 16	83.639.088.776	54.824.557.578
03	Các khoản dự phòng		4.165.257.188	16.612.904.416
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(115.880.067.890)	(155.697.273.093)
06	Chi phí lãi vay	29	25.900.554.619	28.208.427.529
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**92.504.328.434**	**54.571.160.293**
09	Tăng các khoản phải thu		(22.437.035.213)	(84.686.670.798)
10	Tăng hàng tồn kho		(61.641.565.169)	(57.188.071.887)
11	Giảm các khoản phải trả		22.306.828.509	419.591.062.933
12	Giảm chi phí trả trước		21.618.297.007	43.291.436.246
14	Tiền lãi vay đã trả		(36.916.434.814)	(16.714.808.252)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(8.068.991.896)	(1.436.256.929)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**7.365.426.858**	**357.427.851.606**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(98.219.383.903)	(552.939.817.718)
22	Tiền thu từ thanh lý các tài sản khác		5.000.000.000	-
23	Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		(824.373.768.000)	(235.919.838.301)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		625.589.460.018	164.175.766.640
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(65.678.431.605)	(205.721.247.708)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		118.927.369.388	204.627.695.591
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức		45.954.418.621	12.149.330.368
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(192.800.335.481)**	**(613.628.111.128)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát		548.175.451.265	1.767.608.500
33	Tiền vay nhận được	23	492.421.816.680	634.594.718.729
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(701.603.005.309)	(252.387.332.886)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	26	(1.283.438.400)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**337.710.824.236**	**383.974.994.343**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**152.275.915.613**	**127.774.734.821**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**136.236.074.178**	**8.461.339.357**
61	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		12.191.451	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**288.524.181.242**	**136.236.074.178**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 304 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 316).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 9 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11 công ty con trực tiếp và 12 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
1	Công ty TNHH 1Production ("1Pro")	GCNĐKDN số 0317690271 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 2 năm 2023, và GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH 1Brandlink ("1Brandlink")	GCNĐKDN số 0318106103 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023	Số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam ("Y1N")	GCNĐKDN số 0314526114 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	100,00%	100,00%	99,89%	100,00%
4	Công ty TNHH Yeah1 Up ("Y1U")	GCNĐKDN số 0317420589 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00%	100,00%	99,99%	100,00%
5	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital")	GCNĐKDN số 0311465311 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2012, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55%	69,55%	69,55%	69,55%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
6	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink")	GCNĐKDN số 0109406470 do SKH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 11 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Việt Nam.	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00%	69,00%	69,00%	69,00%
7	Công ty TNHH Giải trí và Truyền Thông Mango+ ("Mango+")	GCNĐKDN số 1301125847 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 21 tháng 7 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	69,55%	100,00%
8	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số ("CDS") *(*)*	GCNĐKDN số 1301092937 do SKH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 48, Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
9	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 ("YSS") *(**)*	GCNĐKDN số 0316198596 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 191, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
10	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	GCNĐKDN số 0314688330 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 19 tháng 10 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 1, Tòa nhà HSC, Số 162B Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	64,86%	94,00%	64,86%	94,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
11	Netlink Communication Technology Ltd ("Netlink BVI")	Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022	British Virgin Islands	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận	35,18%	50,99%	35,18%	50,99%
12	Netlink Online Pte Ltd	Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022	470 North Bride Road #05-12 Bugis Cube, Singapore	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18%	100,00%	35,18%	100,00%
13	Web Publishing Corp.	Mã số doanh nghiệp số 2165257 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2024	OMC Chambers, Wickhams Cay 1, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	Quảng cáo	17,63%	50,10%	-	-
14	Công ty Cổ phần Netlink Việt Nam ("CP Netlink")	GCNĐKDN số 0110853219 do SKH&ĐT Hà Nội cấp ngày 3 tháng 10 năm 2024, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 2, tòa Dolphin Plaza, số 6 Nguyễn Hoàng, Phường Tứ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Quảng cáo	17,24%	99,9%	-	-
15	Công ty TNHH Ting Ting Network ("Tingting")	GCNĐKDN số 0317396978 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 21 tháng 7 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 70, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55%	100,00%	69,55%	100,00%
16	Công ty TNHH Big Cat ("BigCat")	GCNĐKDN số 131706995 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 6 tháng 12 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	55,64%	80,00%	55,64%	80,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
17	Công ty Cổ phần Tstudio ("Tsudio")	GCNĐKDN số 0316490939 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 17 tháng 9 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	170N Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động nhiếp ảnh	41,69%	59,95%	41,69%	59,95%
18	Công ty TNHH Việt Nam Music Award ("VMA")	GCNĐKDN số 0317626318 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 17 tháng 9 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan, quảng cáo	35,47%	51,00%	35,47%	51,00%
19	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số ("DCC")	GCNĐKDN số 1301046426 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ tạo lập nội dung số, quảng cáo điện tử và cho thuê văn phòng	69,55%	100,00%	69,55%	100,00%
20	Công ty TNHH 1Talents ("1Talents")	GCNĐKDN số 0318105371 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 10 năm 2023	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	-	-	100,00%	100,00%
21	Công ty Cổ phần SYE Holdings ("SYE Holdings") (trước đây là "Công ty Cổ phần 1Label")	GCNĐKDN số 0318347998 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024 GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	-	-	51,00%	51,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
22	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 ("Giga1")	GCNĐKDN số 0102349978 do SKH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, Lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công nghệ, bán buôn	-	-	99,99%	99,99%
23	Công ty Cổ phần Gigagoods ("Gigagoods")	GCNĐKDN số 0316763583 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ	-	-	50,99%	51,00%
24	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin ("Gigawin")	GCNĐKDN số 0316703552 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 2 năm 2011, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	-	-	58,99%	59,00%

(*) Vào ngày 29 tháng 1 năm 2026, CDS đã hoàn tất thủ tục giải thể và chấm dứt hoạt động theo Thông báo của Sở Tài chính Tỉnh Vĩnh Long.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, YSS đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất .

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua và sản xuất theo phương pháp thực tế đích danh; và
- Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhãn hiệu, tên thương mại	10 – 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm máy tính	5 – 6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất :

- Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành nghiệm thu.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm hoạt động kinh doanh cung cấp bản quyền nội dung số, dịch vụ giải trí và truyền thông.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Góp vốn thành lập Web Publishing Corp

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2025, Netlink BVI, công ty con gián tiếp của Nhóm Công ty, đã góp vốn thành lập Web Publishing Corp, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Số 2093531 ngày 17 tháng 3 năm 2025 và đã nhận được Giấy chứng nhận thành lập Số 2165257 do Cơ quan đăng ký kinh doanh Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Web Publishing Corp lần lượt là 50,10% và 17,63%.

4.2 Nhận chuyển nhượng cổ phần và tăng vốn trong Mango+

Theo Biên bản họp HĐQT Số 433/2504/BBH/HĐQT/YEG và Quyết định của Chủ tịch HĐQT Số 164/2504/QĐ/CTHĐQT/YEG cùng ngày 25 tháng 4 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị là 500.000.000 VND tương ứng 100% tỷ lệ sở hữu trong Mango+ từ DCC, một công ty con gián tiếp của Công ty, vào ngày 25 tháng 4 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Mango+ tăng từ 69,55% lên 100% và Mango+ trở thành công ty con trực tiếp của Công ty kể từ ngày này.

4.3 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của các công ty liên kết

Theo phê duyệt của Nghị quyết HĐQT Số 352/NQ/HĐQT/YEG ngày 26 tháng 9 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 1.395.000 cổ phần, tương đương 31% từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần 1Game ("1Game") với giá trị 27.900.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong 1Game tăng từ 8% lên 49% và 1Game trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Thêm vào đó, cũng theo Nghị quyết trên, Công ty đã nhận chuyển nhượng 36.000 cổ phần, tương đương 36% cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần 1Creators ("1Creators") với giá trị là 36.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong 1Creators là 36% và 1Creators trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

4.4 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần trong Y1U

Theo phê duyệt của Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Số 197/2505/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 10 tháng 5 năm 2025, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 8% tỷ lệ sở hữu trong Y1U từ bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 2.000.000.000 VND vào ngày 15 tháng 5 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Y1U tăng từ 92% lên 100% kể từ ngày này.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.5 Chuyển nhượng cổ phần trong công ty con hiện hữu và công ty liên kết

Giga1

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 35.999.600 cổ phần, tương ứng với 99.999% cổ phần của Giga1 cho đối tác với giá chuyển nhượng là 450.000.000.000 VND căn cứ Biên bản họp HĐQT Số 910/2408/BBH/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024 và theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 84/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 3 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Giga1 giảm từ 99.999% xuống 0% và Giga1 và hai công ty con của Giga1 là Gigawin và Gigagoods không còn là công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 56.170.667.073 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(TM số 27.2)*.

1Talents

Theo Quyết định của Chủ tịch HĐQT Số 205/2505/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 22 tháng 5 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 2.000.000.000 VND vốn góp, tương đương 100% vốn điều lệ của 1Talents cho SYE Holdings, một công ty con của Công ty, với giá chuyển nhượng là 2.000.000.000 VND vào ngày 22 tháng 5 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Nhóm Công ty trong 1Talents giữ nguyên là 100% và 1Talents trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần 1Social ("1Social")

Theo Quyết định của Chủ tịch của 1Talents Số 39/2505/QĐ/CTCT/1TALENTS ngày 23 tháng 5 năm 2025, 1Talents, một công ty con của Công ty, đã chuyển nhượng 49.000 cổ phần, tương đương 49% vốn điều lệ của 1Social cho một bên thứ ba vào ngày 23 tháng 5 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong 1Social giảm từ 49% xuống 0% và 1Social không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

4.6 Thay đổi tỷ lệ sở hữu và mất quyền kiểm soát trong SYE Holdings

Theo phê duyệt tại Quyết định của Chủ tịch HĐQT Số 1092/2411/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 29 tháng 11 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 97.600 cổ phần tương ứng với 49,8% tỷ lệ sở hữu trong SYE Holdings từ các bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 2.013.600.000 VND vào ngày 22 tháng 5 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong SYE Holdings tăng từ 51,2% lên 100% kể từ ngày này.

Vào ngày 4 tháng 9 năm 2025, theo phê duyệt tại Quyết định của Chủ tịch HĐQT Số 332/2025/QĐ/CTHĐQT/YEG, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng 4.000 cổ phần, tương đương 2% tỷ lệ sở hữu trong SYE Holdings cho một bên thứ ba khác.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, SYE Holdings đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 192.517 cổ phần với tổng giá trị phát hành là 91.000.000.000 VND cho một bên thứ ba. Vào ngày 7 tháng 1 năm 2026, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh, chấp thuận cho việc tăng vốn cổ phần này của SYE Holdings. Theo đó, vốn cổ phần của SYE Holdings tăng từ 2.000.000.000 VND lên 3.921.570.000 VND và thặng dư vốn cổ phần là 89.078.430.000 VND.

Sau các giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong SYE Holdings giảm từ 98% xuống còn 49,98% và SYE Holdings trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty và 1Talents cũng không còn là công ty con gián tiếp của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tương ứng với tỷ lệ của Nhóm Công ty trong Nhóm SYE Holdings (bao gồm SYE Holdings và 1Talents) trước và sau giao dịch phát hành thêm cổ phần nói trên là 37.947.370.527 VND đã được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(TM số 27.2)*.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.7 Nhận chuyển nhượng cổ phần CP Netlink

Theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Netlink BVI số 02/BVI/2025 ngày 18 tháng 6 năm 2025, Netlink BVI – công ty con gián tiếp của Công ty đã nhận chuyển nhượng 49.000 cổ phần từ ông Nguyễn Văn Dũng tương ứng với 49% tỷ lệ sở hữu trong Công ty CP Netlink. Theo đó, Công ty CP Netlink trở thành công ty con gián tiếp của Nhóm Công ty kể từ ngày này. Vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty nắm giữ 99,996% quyền biểu quyết tương ứng trong Công ty CP Netlink.

Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả của Netlink Việt Nam tại ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	VND
	Giá trị hợp lý tạm thời ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền	1.235.168.395
Các khoản phải thu	1.534.049.439
Chi phí trả trước	206.259.419
Tài sản cố định	34.889.168
	3.010.366.421
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả khác	1.829.213.232
	1.829.213.232
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm thời	**1.181.153.189**
Cổ đông không kiểm soát *(TM số 26)*	149.922.323
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	31.230.866
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	**1.000.000.000**
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền chi để mua công ty con	1.000.000.000
Tiền thu về từ công ty con	1.235.168.395
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	**(235.168.395)**

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	134.732.932	31.413.103
Tiền gửi ngân hàng	121.389.448.310	125.313.068.997
Các khoản tương đương tiền	167.000.000.000	10.891.592.078
TỔNG CỘNG	**288.524.181.242**	**136.236.074.178**

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn ít hơn ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 2,8%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc 6 tháng và thời gian đáo hạn không quá mười hai (12) tháng tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán, hưởng lãi suất dao động từ 3,4%/năm đến 7,65%/năm.

Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi ngắn hạn với giá trị là 24.600.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng *(TM số 23.1)*.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	537.206.872.881	350.514.160.122
Công ty Cổ phần Tera Ventures (*)	*240.001.000.000*	-
Công ty Cổ phần King Production	*33.500.284.926*	*15.876.544.444*
Công ty Cổ phần Thiên Hoàng Huy	*30.869.000.000*	-
Công ty TNHH Jollibee Việt Nam	*25.251.663.422*	*5.453.171.636*
WebTV Asia	*22.043.383.056*	-
Google Asia Pacific Pte. Ltd	*113.214.296*	*76.692.907.716*
Khác	*185.428.327.181*	*252.491.536.326*
Các bên liên quan *(TM số 34)*	2.213.242.203	643.697.131
TỔNG CỘNG	**539.420.115.084**	**351.157.857.253**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *(TM số 11)*	(16.977.355.509)	(26.983.621.724)
GIÁ TRỊ THUẦN	**522.442.759.575**	**324.174.235.529**

(*) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của Giga1 *(TM số 4.6)*. Nhóm Công ty đã thu được toàn bộ khoản phải thu này vào ngày 13 tháng 3 năm 2026.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	26.983.621.724	26.716.111.468
Dự phòng trích lập trong năm	3.128.958.717	11.695.982.158
Xóa sổ dự phòng trong năm	(149.824.729)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.200.361.632)	(83.785.322)
Thoái vốn công ty con	(10.785.038.571)	(11.344.686.580)
Số cuối năm *(TM số 11)*	16.977.355.509	26.983.621.724

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	366.442.191.130	285.877.447.486
Công ty Cổ phần Tera Group	*154.214.476.520*	*209.318.476.520*
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bổ Công Anh ("Bổ Công Anh")	*124.390.974.744*	-
Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện Hand	*46.621.250.000*	-
Công ty TNHH Truyền thông N.A.F	*24.466.092.116*	
Khác	*16.749.397.750*	*76.558.970.966*
Các bên liên quan *(TM số 34)*	3.230.000.000	67.500.000.000
TỔNG CỘNG	**369.672.191.130**	**353.377.447.486**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn *(TM số 11)*	(21.840.980)	(17.054.323.569)
GIÁ TRỊ THUẦN	**369.650.350.150**	**336.323.123.917**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	17.054.323.569	18.449.320.801
Dự phòng trích lập trong năm	-	22.426.521
Xóa sổ dự phòng trong năm	(8.160.450.000)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(79.259.961)	-
Thoái vốn công ty con	(8.792.772.628)	(1.417.423.753)
Số cuối năm *(TM số 11)*	21.840.980	17.054.323.569

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**256.063.268.000**	**355.269.960.018**
Cho các bên khác vay	241.198.268.000	355.269.960.018
Cho các bên liên quan vay *(TM số 34)*	14.865.000.000	-
Dài hạn	**19.890.000.000**	**10.990.000.000**
Cho bên khác vay	19.360.000.000	10.990.000.000
Cho các bên liên quan vay *(TM số 34)*	530.000.000	-
TỔNG CỘNG	**275.953.268.000**	**366.259.960.018**
Dự phòng phải thu về cho vay *(TM số 11)*	(4.607.296.000)	(300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**271.345.972.000**	**365.959.960.018**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản cho các bên vay ngắn hạn nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	70.625.000.000	Ngày 2 tháng 10 năm 2026	8	*(*)*
	15.935.500.000	Từ ngày 21 tháng 8 năm 2026 đến ngày 30 tháng 12 năm 2026	8 – 10.5	*(*)*
	1.030.000.000	Ngày 27 tháng 10 năm 2026	8	*(*)*
	460.000.000	Ngày 10 tháng 11 năm 2026	8	*(*)*
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	69.763.000.000	Ngày 19 tháng 8 năm 2026	8	*(*)*
	1.900.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2026	8	*(*)*
Công ty Cổ phần Tera Group	25.754.000.000	Từ ngày 23 tháng 10 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	8	*(*)*
	19.160.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	8	*(*)*
	5.878.578.000	Từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến ngày 21 tháng 6 năm 2026	10.5	*(*)*
	36.000.000	Ngày 16 tháng 9 năm 2026 đến ngày 7 tháng 11 năm 2026	8	*(*)*
Công ty Cổ phần Aiwize	11.032.000.000	Ngày 5 tháng 8 năm 2026	10	*(**)*
Công ty Cổ phần Công nghệ Openworld	10.000.000.000	Ngày 5 tháng 8 năm 2026	10	*(**)*
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Toàn Cầu	3.780.000.000	Từ ngày 9 tháng 4 năm 2026 đến ngày 15 tháng 9 năm 2026	8 – 10.5	*(*)*
Nhimdo Properties LLC	2.872.980.000	Ngày 4 tháng 5 năm 2026	-	*(*)*
Global App Ventures Corporation	2.481.210.000	Ngày 24 tháng 3 năm 2026	-	*(*)*
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	375.000.000	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2026 đến ngày 28 tháng 6 năm 2026	10.5	*(*)*
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	115.000.000	Ngày 19 tháng 8 năm 2026	10,5	*(*)*
TỔNG CỘNG	**241.198.268.000**			
Dự phòng phải thu cho vay *(TM số 11)*	(4.607.296.000)			
GIÁ TRỊ THUẦN	**236.590.972.000**			

(*) Các khoản cho vay này với hình thức đảm bảo là tín chấp.

(**) Các khoản cho vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của bên thứ ba.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản cho các bên vay tín chấp ngắn hạn nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*VND Lãi suất %/năm*
***Cho các bên liên quan vay ngắn hạn** (TM số 34)*			
1Creators	14.865.000.000	Từ ngày 17 tháng 9 năm 2026 đến ngày 27 tháng 11 năm 2026	8,0
Cho các bên khác vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	17.610.000.000	Ngày 20 tháng 8 năm 2027	10,5
	150.000.000	Ngày 24 tháng 7 năm 2027	10,5
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.400.000.000	Ngày 1 tháng 10 năm 2027	8,0
Công ty Cổ phần Media Kingdom Việt Nam	200.000.000	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2027 đến ngày 24 tháng 2 năm 2027	10,5
TỔNG CỘNG	**19.360.000.000**		
***Cho các bên liên quan vay dài hạn** (TM số 34)*			
1Creators	530.000.000	Từ ngày 15 tháng 12 năm 2027 đến ngày 30 tháng 12 năm 2027	8,0

10. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	*VND Số đầu năm*
Ngắn hạn	**161.724.203.814**	**113.140.517.320**
Phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh		-
Công ty Cổ phần Unicorn Venture (i)	*99.875.000.000*	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	*26.163.157.895*
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	-	*19.600.000.000*
Phải thu liên quan tới chi phí xây dựng phim trường *(ii)*	39.028.088.784	-
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	12.198.811.775	34.965.502.008
Tạm ứng nhân viên	8.995.894.708	8.311.968.425
Đặt cọc	408.080.000	3.278.064.894
Phải thu từ thu hộ bởi Công ty TNHH STVProduction ("STVPro")	-	11.993.508.096
Khác	1.218.328.547	8.828.316.002
Dài hạn	**203.343.334.800**	**442.300.973.579**
Đặt cọc chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất *(iii)*	196.000.000.000	196.000.000.000
Đặt cọc	6.851.906.800	6.782.906.800
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TKK	-	138.658.000.000
Phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Unicorn Venture	-	99.875.000.000
Khác	491.428.000	985.066.779
TỔNG CỘNG	**365.067.538.614**	**555.441.490.899**
Dự phòng phải thu khác khó đòi *(TM số 11)*	(73.337.896)	(26.677.385.044)
GIÁ TRỊ THUẦN	**364.994.200.718**	**528.764.105.855**
Trong đó:		
Các bên khác	*364.567.018.490*	*554.846.947.173*
Các bên liên quan (TM số 34)	*500.520.124*	*594.543.726*

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	26.677.385.044	36.645.581.283
Dự phòng trích lập trong năm	-	5.417.239.453
Xóa sổ dự phòng trong	(20.670.158.904)	-
Thoái vốn công ty con	(5.371.508.084)	(15.385.435.692)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(562.380.160)	-
Số cuối năm	73.337.896	26.677.385.044

(i) Đây là khoản đặt cọc mua theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Nhóm Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Nhóm Công ty đã giải ngân.

Theo Phụ lục hợp đồng Số 01 - Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 6 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty và Unicorn Venture đã thống nhất điều chỉnh giảm số tiền đầu tư dự án xuống còn 99.875.000.000 VND.

Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản phải thu này đã được Unicorn Venture hoàn trả lại cho Nhóm Công ty theo Biên bản Thanh lý hợp đồng ngày 20 tháng 3 năm 2026.

(ii) Đây là khoản phải thu với Bồ Công Anh về chi phí bồi thường liên quan đến việc tháo dỡ phim trường tọa lạc tại Số 41 - 49 Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản làm việc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản phải thu này đã được Bồ Công Anh hoàn trả lại cho Nhóm Công ty.

(iii) Đây là khoản đặt cọc trong vòng 5 năm để đảm bảo thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích văn phòng tại địa chỉ số 140, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Hợp đồng Số 1456/2024/HĐĐC/YEG-SG3 ngày 29 tháng 12 năm 2024 và Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất Số CI426639. Quyền sử dụng đất này đang được dùng để thế chấp cho khoản vay của Nhóm Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định *(TM số 23.1)*.

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**21.155.784.978**	**4.178.429.469**	**(16.977.355.509)**	**36.904.901.947**	**9.921.280.223**	**(26.983.621.724)**
Yeah1 Network Pte Ltd	5.080.920.081	582.905.201	(4.498.014.880)	5.080.920.081	582.905.201	(4.498.014.880)
Chuongsuki Pte Ltd	2.799.195.287	-	(2.799.195.287)	2.799.195.287	-	(2.799.195.287)
JF Global LLC SGD	2.235.826.222	1.117.913.111	(1.117.913.111)	-	-	-
Công ty TNHH Lioz Việt Nam	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	-	-	-	13.939.220.078	4.181.766.023	(9.757.454.055)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	-	-	-	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)
Khác	9.926.957.265	2.477.611.157	(7.449.346.108)	11.482.610.378	3.911.573.999	(7.571.036.379)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**72.803.267**	**50.962.287**	**(21.840.980)**	**58.217.339.948**	**41.163.016.379**	**(17.054.323.569)**
Công ty TNHH Phân phối Nước Giải khát Quốc tế	-	-	-	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)
Something Big SAS	-	-	-	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
Khác	72.803.267	50.962.287	(21.840.980)	1.930.185.755	537.256.156	(1.392.929.599)
Phải thu cho vay ngắn hạn	**5.469.190.000**	**861.894.000**	**(4.607.296.000)**	**300.000.000**	**-**	**(300.000.000)**
Nhimdo Properties LLC	2.872.980.000	861.894.000	(2.011.086.000)	-	-	-
Global AppVentures Corp	2.481.210.000	-	(2.481.210.000)	-	-	-
Khác	115.000.000	-	(115.000.000)	300.000.000	-	(300.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	**134.735.792**	**61.397.896**	**(73.337.896)**	**33.496.231.104**	**6.818.846.060**	**(26.677.385.044)**
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	-	-	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Netlink Online Corporation	-	-	-	7.065.680.000	2.119.704.000	(4.945.976.000)
Công ty Cổ phần Phát Triển UP	-	-	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Khác	134.735.792	61.397.896	(73.337.896)	5.830.551.104	4.699.142.060	(1.131.409.044)
TỔNG CỘNG	**26.832.514.037**	**5.152.683.652**	**(21.679.830.385)**	**128.918.472.999**	**57.903.142.662**	**(71.015.330.337)**

12. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí các chương trình đang sản xuất dở dang *(*)*	93.035.991.221	25.583.778.714
Dự án quảng cáo đang sản xuất dở dang	2.644.447.034	12.335.199.650
Hàng hóa	2.040.687.806	738.835.241
Khác	134.713.778	2.147.038.809
TỔNG CỘNG	**97.855.839.839**	**40.804.852.414**

(*) Đây là chi phí sản xuất chương trình phát sóng độc quyền bao gồm Tân Binh Toàn Năng, Gia đình Haha và một số chương trình khác.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**9.851.906.402**	**15.054.268.237**
Chương trình đang phát sóng	6.074.063.926	13.271.453.633
Khác	3.777.842.476	1.782.814.604
Dài hạn	**25.606.498.943**	**42.009.118.834**
Chi phí cải tạo văn phòng	12.739.283.224	17.815.326.090
Chương trình đang phát sóng	8.291.001.090	16.907.047.872
Công cụ, dụng cụ	1.150.526.697	1.879.210.538
Khác	3.425.687.932	5.407.534.334
TỔNG CỘNG	**35.458.405.345**	**57.063.387.071**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải (*)*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	3.821.563.973	8.640.145.987	280.254.547	3.355.880.168	16.097.844.675
Mua mới	-	95.074.519	873.592.364	-	968.666.883
Thoái vốn công ty con	-	(381.390.909)	-	-	(381.390.909)
Thanh lý	-	-	(181.818.182)	-	(181.818.182)
Giảm khác	(3.821.563.973)	-	-	-	(3.821.563.973)
Số cuối năm	-	8.353.829.597	972.028.729	3.355.880.168	12.681.738.494
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	*283.091.819*	*212.258.182*	*930.646.465*	*1.425.996.466*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	-	(4.350.808.752)	(181.818.182)	(1.264.560.802)	(5.797.187.736)
Khấu hao trong năm	-	(1.311.171.308)	(56.276.522)	(627.948.953)	(1.995.396.783)
Thoái vốn công ty con	-	381.390.909	-	-	381.390.909
Thanh lý	-	-	181.818.182	-	181.818.182
Số cuối năm	-	(5.280.589.151)	(56.276.522)	(1.892.509.755)	(7.229.375.428)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	3.821.563.973	4.289.337.235	98.436.365	2.091.319.366	10.300.656.939
Số cuối năm	-	3.073.240.446	915.752.207	1.463.370.413	5.452.363.066

(*) Phương tiện vận tải với giá trị 842.392.637 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng *(TM số 23.1)*

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Bản quyền chương trình phim ngắn (*)	*Phần mềm máy tính*	*Nhãn hiệu, tên thương mại*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm	216.738.537.887	21.121.709.167	5.555.964.630	243.416.211.684
Mua mới	66.407.411.336	-	269.473.684	66.676.885.020
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	5.285.200.000	-	-	5.285.200.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	41.867.000	-	41.867.000
Thoái vốn công ty con	-	(2.115.375.000)	(3.081.056.160)	(5.196.431.160)
Giảm khác	-	(110.000.000)	-	(110.000.000)
Số cuối năm	288.431.149.223	18.938.201.167	2.744.382.154	310.113.732.544
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	*76.867.000*	*391.156.033*	*468.023.033*
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	(37.042.825.769)	(6.698.068.506)	(1.431.132.403)	(45.172.026.678)
Hao mòn trong năm	(46.518.630.682)	(2.796.503.728)	(318.195.138)	(49.633.329.548)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	(6.977.832)	-	(6.977.832)
Thoái vốn công ty con	-	1.708.879.125	865.285.645	2.574.164.770
Số cuối năm	(83.561.456.451)	(7.792.670.941)	(884.041.896)	(92.238.169.288)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	179.695.712.118	14.423.640.661	4.124.832.227	198.244.185.006
Số cuối năm	204.869.692.772	11.145.530.226	1.860.340.258	217.875.563.256

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Nhóm Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Netlink	*Edigital*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	147.081.706.909	173.021.917.536	320.103.624.445
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(11.031.128.018)	(7.209.246.565)	(18.240.374.583)
Phân bổ trong năm	(14.708.170.691)	(17.302.191.754)	(32.010.362.445)
Số cuối năm	(25.739.298.709)	(24.511.438.319)	(50.250.737.028)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	136.050.578.891	165.812.670.971	301.863.249.862
Số cuối năm	121.342.408.200	148.510.479.217	269.852.887.417

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án triển khai phần mềm Onstudio	42.605.000.000	-
Dự án triển khai phần mềm YEG DX	13.944.000.000	-
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	628.622.222	5.523.422.222
Dự án xây dựng phim trường	-	48.093.872.054
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	-	9.545.454.545
TỔNG CỘNG	**57.177.622.222**	**63.162.748.821**

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty liên kết *(TM 18.1)*	124.915.632.725	103.807.419.542
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(TM 18.2)*	11.615.625.000	19.715.625.000
TỔNG CỘNG	**136.531.257.725**	**123.523.044.542**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.615.625.000)	(12.344.620.775)
GIÁ TRỊ THUẦN	**124.915.632.725**	**111.178.423.767**

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 4 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 công ty liên kết):

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	*Quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Quyền biểu quyết (%)*
1Creators *(TM số 4.3)*	Lập trình máy vi tính	36,00	36,00	-	-
1Game *(TM số 4.3)*	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	49,00	49,00	-	-
SYE Holding *(TM số 4.5)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	49,98	49,98	-	-
Meta Blossom	Quảng cáo	40,00	40,00	40,00	40,00

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

VND

Tên công ty	*Giá trị đầu tư vào*				*Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết*				*Giá trị còn lại*	
	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*	*Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*	*Số cuối năm*
SYE Holdings	-	51.923.279.036	-	51.923.279.036	-	-	-	-	-	51.923.279.036
1Creators	-	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-	(1.328.908.086)	-	(1.328.908.086)	-	34.671.091.914
1Game	-	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-	(15.180.750)	-	(15.180.750)	-	35.984.819.250
Meta Blossom	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	336.442.525	-	336.442.525	2.000.000.000	2.336.442.525
Media1	92.376.900.000	-	(92.376.900.000)	-	(4.457.564.385)	(449.282.653)	4.906.847.038	-	87.919.335.615	-
Zmedia	12.500.000.000	-	(12.500.000.000)	-	898.083.927	-	(898.083.927)	-	13.398.083.927	-
1Social	490.000.000	-	(490.000.000)	-	-	-	-	-	490.000.000	-
TỔNG CỘNG	**107.366.900.000**	**123.923.279.036**	**(105.366.900.000)**	**125.923.279.036**	**(3.559.480.458)**	**(1.456.928.964)**	**4.008.763.111**	**(1.007.646.311)**	**103.807.419.542**	**124.915.632.725**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
		Giá trị đầu tư *(VND)*	*Dự phòng* *(VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết* *%*	*Giá trị đầu tư* *(VND)*	*Dự phòng* *(VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết* *%*
Công ty Cổ phần ADS Group Việt Nam	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
Công ty Cổ phần Spaceship ("Spaceship")	Lập trình máy vi tính	2.000.000.000	(2.000.000.000)	11,62	2.000.000.000	(2.000.000.000)	11,62
Công ty Cổ phần Gamify ("Gamify")	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
Công ty Cổ phần Shopiness ("Shopiness")	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
1Game *(TM số 4.3)*	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	-	-	-	8.100.000.000	(728.995.775)	18,00
TỔNG CỘNG		**11.615.625.000**	**(11.615.625.000)**		**19.715.625.000**	**(12.344.620.775)**	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Tăng do hợp nhất kinh doanh*	*Giảm trong năm*	*Giảm do thoái vốn công ty con*	*Số cuối năm*
Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.614.877.605	7.059.602.748	-	(8.068.991.896)	(15.042.620.089)	6.562.868.368
Thuế thu nhập cá nhân	4.569.797.981	66.328.043.890	-	(63.702.133.062)	(333.292.553)	6.862.416.256
Thuế giá trị gia tăng	5.927.890.365	184.990.153.942	401.216.585	(177.034.535.929)	(630.218.153)	13.654.506.810
Thuế nhà thầu	2.977.806.868	2.601.779.428	-	(4.393.855.343)	-	1.185.730.953
Khác	4.667.561.285	1.129.928.642	-	(472.758.005)	(5.310.428.810)	14.303.112
TỔNG CỘNG	**40.757.934.104**	**262.109.508.650**	**401.216.585**	**(253.672.274.235)**	**(21.316.559.605)**	**28.279.825.499**
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	10.019.963.592	141.972.332.593	168.783.161	(140.773.421.482)	(6.515.318.197)	4.872.339.667
Khác	31.279.290	-	-	-	-	31.279.290
TỔNG CỘNG	**10.051.242.882**	**141.972.332.593**	**168.783.161**	**(140.773.421.482)**	**(6.515.318.197)**	**4.903.618.957**

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	130.439.759.354	133.366.770.881
C-Group Global INC	*23.999.412.312*	-
Công ty Cổ phần Spacespeakers Label	*9.048.480.000*	*4.426.526.880*
HongKong Bepic Technology Co., Limited	*7.949.668.339*	-
STVPro	*6.374.700.467*	*18.477.650.451*
NMP Network Corporation	-	*21.941.155.160*
JF Global. LLC	-	*14.926.897.088*
Khác	*83.067.498.236*	*73.594.541.302*
Các bên liên quan *(TM số 34)*	18.653.819.422	4.223.988.009
TỔNG CỘNG	**149.093.578.776**	**137.590.758.890**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	67.628.737.640	56.995.241.817
Lương thưởng	6.171.078.361	2.649.221.200
Chi phí lãi vay	2.918.406.984	7.094.631.738
Chi phí lãi chậm nộp thuế	-	5.036.793.353
Khác	4.391.083.454	6.400.321.460
TỔNG CỘNG	**81.109.306.439**	**78.176.209.568**
Trong đó		
Các bên khác	*81.030.196.851*	*77.709.459.768*
Các bên liên quan (TM số 34)	*79.109.588*	*466.749.800*

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh *(*)*	31.500.000.000	31.500.000.000
Chi phí lãi vay	3.528.527.214	10.368.182.655
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.082.983.164	2.277.757.022
Phải trả nhận chuyển nhượng cổ phần	-	90.170.020.000
Khác	14.068.017.592	13.585.303.663
TỔNG CỘNG	**50.179.527.970**	**147.901.263.340**
Trong đó:		
Các bên khác	*49.729.303.314*	*147.869.669.915*
Các bên liên quan (TM số 34)	*450.224.656*	*31.593.425*

(*) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình Số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng Số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVcab là 50:50. Nhóm Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án.

23. VAY

VND

	Số đầu năm	*Vay trong năm*	*Trả nợ vay trong năm*	*Phân loại lại*	*Giảm khác*	*Tăng khác*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**527.364.096.445**	**491.696.816.680**	**(696.102.567.457)**	**9.863.820.904**	**(32.550.909.091)**	**4.000.000.000**	**304.271.257.481**
Vay ngân hàng *(TM số 23.1)*	214.500.561.356	397.861.816.680	(380.560.330.661)	-	-	-	231.802.047.375
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(TM số 23.1)*	13.673.475.998	-	(11.223.086.796)	9.863.820.904	-	-	12.314.210.106
Vay các tổ chức khác *(TM số 23.3)*	54.835.000.000	21.935.000.000	(34.500.000.000)	490.000.000	(30.905.000.000)	-	11.855.000.000
Vay các bên liên quan *(TM số 23.3 và 34)*	5.040.000.000	69.300.000.000	(29.550.000.000)	(490.000.000)	-	4.000.000.000	48.300.000.000
Vay cá nhân	239.315.059.091	2.600.000.000	(240.269.150.000)	-	(1.645.909.091)	-	-
Dài hạn	**50.006.060.793**	**725.000.000**	**(5.500.437.852)**	**(9.863.820.904)**	**-**	**1.500.000.000**	**36.866.802.037**
Vay ngân hàng *(TM số 23.1)*	44.513.789.607	725.000.000	(2.024.166.666)	(9.863.820.904)	-	-	33.350.802.037
Vay cá nhân *(TM số 23.2)*	5.492.271.186	-	(3.476.271.186)	-	-	-	2.016.000.000
Vay các bên liên quan *(TM số 23.3 và 34)*	-	-	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	**577.370.157.238**	**492.421.816.680**	**(701.603.005.309)**	**-**	**(32.550.909.091)**	**5.500.000.000**	**341.138.059.518**

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	94.996.951.378	Từ ngày 19 tháng 3 năm 2026 đến ngày 19 tháng 6 năm 2026	9,0	Đồng đảm bảo bằng các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của các bên khác *(TM số 10)*
Khoản vay 2	29.769.904.853	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2026 đến ngày 30 tháng 12 năm 2026	7,2 – 7,7	
Khoản vay 3	28.963.731.951	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	7,2 – 8,0	
Khoản vay 4	13.951.861.744	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	7,0 – 8,0	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng				
Khoản vay 1	61.838.974.449	Từ ngày 8 tháng 2 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	6,5 – 11,6	Các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn thuộc sở hữu của Công ty với tổng giá trị 24.600.000.000 VND *(TM số 6)*
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu				
Khoản vay 1	2.280.623.000	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2026 đến ngày 8 tháng 6 năm 2026	9,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**231.802.047.375**			

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty có khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	27.500.000.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2026 đến ngày 14 tháng 9 năm 2028	Thả nổi	Đồng đảm bảo bằng các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của các bên khác *(TM số 10)*
Khoản vay 2	12.250.000.000	Ngày 5 tháng 7 năm 2027	Thả nổi	
Khoản vay 3	5.214.178.809	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2026 đến ngày 23 tháng 12 năm 2027	8,0	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng				
Khoản vay 1	700.833.334	Từ ngày 16 tháng 10 năm 2026 đến ngày 16 tháng 10 năm 2030	Thả nổi	Phương tiện vận tải có giá trị 842.392.637 VND *(TM số 14)*
TỔNG CỘNG	**45.665.012.143**			

Trong đó	
Vay dài hạn	*33.350.802.037*
Vay dài hạn đến hạn trả	*12.314.210.106*

23. VAY (tiếp theo)

23.2 *Vay cá nhân dài hạn*

Đây là các khoản vay tín chấp từ cá nhân nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất (%/năm)*
Nguyễn Thị Khánh Hòa	2.016.000.000	Ngày 26 tháng 3 năm 2028	8,0

23.3 *Vay các bên liên quan*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất (%/năm)*
Vay ngắn hạn các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Encapital Holdings	43.300.000.000	Ngày 23 tháng 12 năm 2026	14,0
SYE Holdings	4.000.000.000	Ngày 13 tháng 10 năm 2026	8,0
Meta Blossom	1.000.000.000	Ngày 3 tháng 1 năm 2026	10,5
TỔNG CỘNG	**48.300.000.000**		
Vay dài hạn bên liên quan			
SYE Holdings	1.500.000.000	Ngày 28 tháng 2 năm 2026	10,5

23.4 *Vay các bên khác ngắn hạn*

Đây là các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các tổ chức khác nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất (%/năm)*
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	10.530.000.000	Theo yêu cầu	8,0
Công ty Cổ phần King Production	700.000.000	Ngày 17 tháng 10 năm 2026	7,0
1Social	490.000.000	Ngày 30 tháng 7 năm 2026	10,5
Giga1	135.000.000	Ngày 19 tháng 12 năm 2026	10,5
TỔNG CỘNG	**11.855.000.000**		

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	1.313.532.640.000	140.518.254	57.414.341.843	-	1.371.087.500.097
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	125.708.063.567	-	125.708.063.567
Phát hành cổ phiếu cho người lao động	56.481.900.000	-	(56.481.900.000)	-	-
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	(51.399.884.915)	-	(51.399.884.915)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(2.585.985.719)	-	(2.585.985.719)
Số cuối năm	1.370.014.540.000	140.518.254	72.654.634.776	-	1.442.809.693.030
Năm nay					
Số đầu năm	1.370.014.540.000	140.518.254	72.654.634.776	-	1.442.809.693.030
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(*)*	548.005.810.000	(65.100.000)	-	-	547.940.710.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	76.561.931.411	-	76.561.931.411
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(536.518.877)	-	(536.518.877)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	35.116.241	35.116.241
Số cuối năm	1.918.020.350.000	75.418.254	148.680.047.310	35.116.241	2.066.810.931.805

(*) Theo công văn số 199/UBCK-QLCB ngày 13 tháng 3 năm 2025, SSC thông báo đã nhận được tài liệu của Công ty về kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty theo Báo cáo kết quả số 58/2503/CV/YEG ngày 11 tháng 3 năm 2025. Theo đó, Công ty đã hoàn thành việc phân phối 54.800.581 cổ phiếu theo nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 01 năm 2025. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.370.014.540.000 VND lên 1.918.020.350.000 VND.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
Tăng trong năm	548.005.810.000	56.481.900.000
Số cuối năm	1.918.020.350.000	1.370.014.540.000

24.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đăng ký	**191.802.035**	**137.001.454**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	191.802.035	137.001.454
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	191.802.035	137.001.454

Cổ phiếu của Nhóm Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết. không hạn chế.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần sau thuế *(VND)*	76.561.931.411	125.708.063.567
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	**76.561.931.411**	**125.708.063.567**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu)*	181.292.335	137.001.454
Lãi cơ bản và lãi suy giảm *(VND/cổ phiếu)*	422	918

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	57.068.805.839	12.211.638.962
Lợi nhuận (lỗ) trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	839.269.032	(3.133.772.972)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn điều lệ	234.741.265	980.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh *(TM số 4.7)*	149.922.323	51.905.704.458
Giảm do thoái vốn công ty con	(185.006.220)	(6.694.243.743)
Chia cổ tức	(1.283.438.400)	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con	(2.861.294.377)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(22.924.789)	-
Góp thêm vốn điều lệ vào công ty con hiện hữu	-	3.373.594.219
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	(1.574.115.085)
Số cuối năm	53.940.074.673	57.068.805.839

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**1.639.063.078.002**	**1.026.485.549.969**
Trong đó:		
Doanh thu tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư vấn truyền thông	1.403.121.355.288	845.612.744.512
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	120.422.667.633	138.925.781.736
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	98.346.574.604	41.240.285.273
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	17.172.480.477	706.738.448
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	(390.681.797)
DOANH THU THUẦN	**1.639.063.078.002**	**1.026.094.868.172**
Trong đó:		
Doanh thu tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư vấn truyền thông	*1.403.121.355.288*	*845.222.062.715*
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	*120.422.667.633*	*138.925.781.736*
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	*98.346.574.604*	*41.240.285.273*
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	*17.172.480.477*	*706.738.448*
Trong đó:		
Các bên khác	*1.633.814.994.854*	*973.263.650.812*
Các bên liên quan (TM số 34)	*5.248.083.148*	*53.221.899.157*

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con *(TM số 4.5)*	56.170.667.073	142.842.971.690
Lãi từ chênh lệch giá trị tài sản thuần của công ty con trước và sau khi mất quyền kiểm soát *(TM số 4.6)*	37.947.370.527	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.187.728.388	27.363.971.359
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.043.341.917	4.823.503.168
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh	-	16.609.182.557
Khác	75.271	266.878.139
TỔNG CỘNG	**120.349.183.176**	**191.906.506.913**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư vấn truyền thông	1.271.980.349.228	810.804.891.581
Giá vốn cung cấp bản quyền nội dung số	84.579.605.809	11.150.464.079
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	60.311.029.750	30.596.121.340
Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác	7.157.384.612	2.692.226.997
TỔNG CỘNG	**1.424.028.369.399**	**855.243.703.997**

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	25.900.554.619	28.208.427.529
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.026.150.570	5.526.799.308
(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(728.995.775)	1.177.256.284
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con	-	15.895.306.269
Khác	-	300.534.570
TỔNG CỘNG	**27.197.709.414**	**51.108.323.960**

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**39.335.239.608**	**26.239.808.550**
Chi phí nhân viên	27.417.752.586	21.930.835.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.279.592.125	2.189.927.826
Chi phí khấu hao và hao mòn	-	3.668.346
Chi phí khác	637.894.897	2.115.377.294
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**167.762.629.718**	**151.633.232.794**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.319.204.297	36.773.052.679
Chi phí nhân viên	42.562.996.455	31.787.331.726
Phân bổ lợi thế thương mại	32.010.362.445	19.147.069.701
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.477.417.092	6.386.189.863
Chi phí dự phòng và xóa sổ khoản phải thu	4.894.252.963	47.351.862.810
Chi phí khác	5.498.396.466	10.187.726.015
TỔNG CỘNG	**207.097.869.326**	**177.873.041.344**

31. CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí phạt thuế	3.841.355.576	5.443.539.336
Lãi chậm nộp thuế	-	1.358.078.932
Khác	1.613.687.889	2.201.921.972
TỔNG CỘNG	**5.455.043.465**	**9.003.540.240**

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.509.395.759.631	826.364.389.496
Chi phí nhân viên	75.293.512.795	81.424.528.767
Chi phí khấu hao và hao mòn *(TM số 14 và 15)*	51.628.726.331	35.677.487.877
Lợi thế thương mại *(TM số 16)*	32.010.362.445	19.147.069.701
Giá mua hàng hóa	19.999.052.159	-
Chi phí dự phòng và xóa sổ các khoản phải thu	4.894.252.963	47.351.862.810
Khác	25.149.326.704	23.151.406.690
TỔNG CỘNG	**1.718.370.993.028**	**1.033.116.745.341**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	8.659.910.986	10.602.747.399
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(1.600.308.238)	1.479.169.104
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.059.602.748	12.081.916.503
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	10.218.692.550	(24.033.663.235)
TỔNG CỘNG	**17.278.295.298**	**(11.951.746.732)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**94.679.495.741**	**110.622.543.863**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	18.935.899.148	22.124.508.773
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	31.923.074.906	3.545.262.010
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	3.776.932.276	14.664.561.130
Phân bổ lợi thế thương mại	6.402.072.489	3.829.413.940
Lãi thanh lý công ty con được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất	(36.716.946.885)	(25.329.562.672)
Hoàn nhập chi phí thuế hoãn lại liên quan đến dự phòng đầu tư vào công ty con và lợi nhuận chưa thực hiện khi thoái vốn công ty con	-	(21.564.979.182)
Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang	(4.143.692.872)	(3.356.766.315)
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(1.600.308.238)	1.479.169.104
Khác	(1.298.735.526)	(7.343.353.520)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	**17.278.295.298**	**(11.951.746.732)**

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	(768.812.700)	(768.812.700)	-	7.127.032.062
Chi phí phải trả ngắn hạn	(563.063.434)	(2.744.541.636)	2.181.478.202	(1.699.871.354)
TỔNG CỘNG	**(1.331.876.134)**	**(3.513.354.336)**	**2.181.478.202**	**5.427.160.708**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	-	-	(29.460.823.943)
Lợi nhuận ghi nhận từ chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần của công ty con trước và sau khi mất kiểm soát	8.037.214.348	-	8.037.214.348	-
TỔNG CỘNG	**8.037.214.348**	**-**	**8.037.214.348**	**(29.460.823.943)**
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			**10.218.692.550**	**(24.033.663.235)**

33.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 140.487.309.795 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 196.369.146.464 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Sử dụng*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*
2020	2025	70.622.805.179	-	(70.622.805.179)	-
2021	2026	305.945.514	(305.945.514)		-
2022	2027	25.209.558.286	(2.388.449.923)		22.821.108.363
2023	2028	39.314.213.685	(1.449.297.435)		37.864.916.250
2024	2029	60.916.623.800	-		60.916.623.800
2025	2030	18.884.661.382	-	-	18.884.661.382
TỔNG CỘNG		**215.253.807.846**	**(4.143.692.872)**	**(70.622.805.179)**	**140.487.309.795**

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này. Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty có phát sinh nghiệp vụ với Nhóm Công ty trong năm:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Meta Blossom	Công ty liên kết
SYE Holdings	Công ty liên kết
1Talents	Công ty liên kết
1Creators	Công ty liên kết
1Game	Công ty liên kết
1Social	Công ty liên kết *(đến ngày 26 tháng 5 năm 2025)*
Media1	Công ty liên kết *(đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)*
Zmedia	Công ty liên kết *(đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Encapital Holdings ("Encapital Hodings")	Công ty có chủ tịch HĐQT là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("DNSE")	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
ADS Group	Đầu tư khác
Gamify	Đầu tư khác
Shopiness	Đầu tư khác
Bồ Công Anh	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty *(đến ngày 3 tháng 2 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Finbase	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT *(đến ngày ngày 22 tháng 4 năm 2025)*
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT *(đến ngày 6 tháng 5 năm 2024)*
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc *(từ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)*
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Quyền Giám đốc tài chính *(từ ngày 9 tháng 6 năm 2025)*
Bà Đặng Phương Dung	Quyền Kế toán trưởng *(từ ngày 9 tháng 6 năm 2025)*
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên BKS *(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)*
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Cá nhân liên quan đến nhân sự quản lý chủ chốt *(đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)*

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Encapital Holdings	Cho vay	98.000.000.000	-
	Vay	83.300.000.000	-
	Lãi cho vay	338.082.192	-
	Lãi vay	164.876.712	-
1Creators	Cho vay	15.395.000.000	-
	Chi hộ	2.244.520.347	-
	Cung cấp dịch vụ	548.110.000	-
	Lãi vay	304.386.847	-
Meta Blossom	Cung cấp dịch vụ	3.311.728.704	3.440.000.000
	Vay	1.000.000.000	1.800.000.000
	Lãi vay	104.424.657	1.553.425
	Góp vốn	-	2.000.000.000
DNSE	Cung cấp dịch vụ	1.194.444.444	-
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	793.392.064	373.356.551
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	762.003.725	712.173.710
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	635.297.738	486.595.768
1Game	Cung cấp dịch vụ	193.800.000	170.000.000
	Cho vay	23.000.000	2.015.000.000
	Lãi cho vay	-	265.340.462
Công ty Cổ phần Finbase	Lãi vay	63.123.288	-
	Cho vay	-	675.000.000
	Lãi cho vay	-	304.351.217
1Social	Lãi vay	39.200.000	17.505.754
	Góp vốn	-	490.000.000
	Vay	-	490.000.000
	Mua dịch vụ	-	40.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	35.967.123	102.493.148
	Vay	-	1.900.000.000
Ông Phạm Minh Tiến	Tạm ứng	9.044.600	1.700.000
Bồ Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	-	143.046.276.204
	Mua dịch vụ	-	18.554.917.440
Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	37.173.181.293
	Vay	-	15.580.000.000
	Mua dịch vụ	-	1.926.050.213
	Cho vay	-	1.800.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	1.725.000.000
	Lãi vay	-	703.954.262
	Lãi cho vay	-	257.014.108

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Big Cat	Mua bản quyền	-	6.480.502.248
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	4.789.976.697
	Cung cấp dịch vụ	-	2.739.973.872
	Cho vay	-	320.000.000
	Lãi cho vay	-	819.863
Tera Group	Cho vay	-	17.560.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	2.216.523.810
	Lãi cho vay	-	426.722.878
VMA	Vay	-	2.100.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	601.851.852
	Mua dịch vụ	-	147.975.000
	Chi phí lãi vay	-	61.204.930
	Lãi cho vay	-	3.509.590
DCC	Vay	-	1.300.000.000
	Lãi cho vay	-	26.947.526
	Cung cấp dịch vụ	-	21.046.577
	Lãi vay	-	12.446.724
Netlink	Góp vốn	-	252.000.000
	Lãi vay	-	115.010.959
	Mua dịch vụ	-	11.505.000
Tingting	Vay	-	400.000.000
	Lãi vay	-	32.046.577
Tstudio	Cung cấp dịch vụ	-	344.345.056
Y1P	Lãi vay	-	19.890.410

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
SYE Holdings	Cung cấp dịch vụ	1.256.902.203	-
1Creators	Cung cấp dịch vụ	602.910.000	-
1Game	Cung cấp dịch vụ	180.180.000	-
1Talents	Cung cấp dịch vụ	173.250.000	-
Media1	Cung cấp dịch vụ	-	643.697.131
		2.213.242.203	**643.697.131**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
1Game	Mua dịch vụ	3.230.000.000	-
Bồ Công Anh	Mua dịch vụ	-	67.500.000.000
		3.230.000.000	**67.500.000.000**
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
1Creators	Cho vay	14.865.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn			
1Creators	Cho vay	530.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác			
1Creators	Lãi cho vay	304.386.847	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	77.254.677	96.152.335
Ông Phạm Minh Tiến	Tạm ứng	65.500.000	-
Công ty Cổ phần Finbase	Chi hộ	53.378.600	-
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	-	343.969.957
Zmedia	Lãi cho vay	-	147.899.158
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	-	6.522.276
		500.520.124	**594.543.726**
Phải trả người bán ngắn hạn			
1Talents	Mua dịch vụ	18.653.819.422	-
Bồ Công Anh	Mua dịch vụ	-	4.223.988.009
		18.653.819.422	**4.223.988.009**
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Meta Blossom	Lãi vay	79.109.588	-
Bồ Công Anh	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	-	466.749.800
		79.109.588	**466.749.800**

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác			
SYE Holdings	Lãi vay	423.356.162	-
Meta Blossom	Lãi vay	26.868.494	-
1Social	Lãi vay	-	17.505.754
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	-	14.087.671
		450.224.656	**31.593.425**
Vay ngắn hạn			
Encapital Holdings	Vay	43.300.000.000	-
SYE Holdings	Vay	4.000.000.000	-
Meta Blossom	Vay	1.000.000.000	-
1Social	Vay	-	490.000.000
Công ty Cổ phần Finbase	Vay	-	3.200.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	-	1.350.000.000
		48.300.000.000	**5.040.000.000**
Vay dài hạn			
SYE Holdings	Vay	1.500.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") năm nay và năm trước như sau:

VND

Họ và tên	*Chức danh*	*Năm nay*	*Năm trước*
Thành viên HĐQT			
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT *(miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2025)*	-	-
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT *(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)*	-	-
TỔNG CỘNG		-	-

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác năm nay và năm trước như sau:

VND

Họ và tên	*Chức danh*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban	24.000.000	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	24.000.000	-
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	24.000.000	-
TỔNG CỘNG		**72.000.000**	**-**
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	3.444.000.000	2.550.000.000
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	1.825.200.000	750.500.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Giám đốc Tài chính	1.251.739.000	926.986.200
Bà Đặng Phương Dung	Kế toán trưởng	384.817.000	-
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc *(miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)*	471.131.000	1.401.871.800
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc *(miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2025)*	-	-
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc *(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)*	-	-
TỔNG CỘNG		**7.376.887.000**	**5.629.358.000**

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	18.569.916.000	22.762.167.500
Trên 1 năm đến 5 năm	86.229.930.000	92.990.060.000
Trên 5 năm	33.962.400.000	64.650.474.000
TỔNG CỘNG	**138.762.246.000**	**180.402.701.500**

36. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
USD	801.566,47	311.884,42
SGD	17.700,00	16.269,52
EUR	-	247,46

Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm xóa sổ	*Số cuối năm*	*VND* *Số đầu năm*
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	2025	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Up	2025	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	2025	353.983.561	353.983.561
Công ty TNHH Yeah1 Vision	2025	209.824.729	209.824.729
TỔNG CỘNG		**21.163.808.290**	**21.163.808.290**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là truyền thông và giải trí và cung cấp bản quyền nội dung số.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	*Cung dịch vụ và thương mại truyền thông*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	1.450.326.046.345	188.737.031.657	-	1.639.063.078.002
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	737.297.226.437	40.292.686.175	(777.589.912.612)	-
Tổng doanh thu thuần	**2.187.623.272.782**	**229.029.717.832**	**(777.589.912.612)**	**1.639.063.078.002**
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	*152.539.198.631*	*35.843.061.824*	*26.652.448.148*	*215.034.708.603*
Chi phí không phân bổ				*(207.097.869.326)*
Lợi nhuận từ công ty liên kết				*(1.456.928.964)*
Doanh thu tài chính				*120.349.183.176*
Chi phí tài chính				*(27.197.709.414)*
Lợi nhuận khác				*(4.951.888.334)*
Lợi nhuận trước thuế				**94.679.495.741**
Chi phí thuế TNDN				(7.059.602.748)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(10.218.692.550)
Lợi nhuận sau thuế				**77.401.200.443**
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát				(839.269.032)
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ				**76.561.931.411**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận				*2.198.451.458.679*
Tài sản không phân bổ				*597.929.813.967*
Tổng tài sản				**2.796.381.272.646**
Công nợ bộ phận				*622.466.235.399*
Công nợ không phân bổ				*53.164.030.769*
Tổng công nợ				**675.630.266.168**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

VND

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	*Cung dịch vụ và thương mại truyền thông*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	887.169.086.436	138.925.781.736	-	1.026.094.868.172
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	289.757.060.288	23.665.923.505	(313.422.983.793)	-
Tổng doanh thu thuần	**1.176.926.146.724**	**162.591.705.241**	**(313.422.983.793)**	**1.026.094.868.172**
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	*45.829.127.336*	*102.102.674.213*	*22.919.362.626*	*170.851.164.175*
Chi phí không phân bổ				*(177.873.041.344)*
Lợi nhuận từ công ty liên kết				*(15.223.546.244)*
Doanh thu tài chính				*191.906.506.913*
Chi phí tài chính				*(51.108.323.960)*
Lợi nhuận khác				*(7.930.215.677)*
Lợi nhuận trước thuế				**110.622.543.863**
Chi phí thuế TNDN				(12.081.916.503)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				24.033.663.235
Lợi nhuận sau thuế				**122.574.290.595**
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát				3.133.772.972
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ				**125.708.063.567**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	*2.322.273.422.451*	*284.446.056.384*	*(377.484.376.185)*	*2.229.235.102.650*
Tài sản không phân bổ				*283.634.497.945*
Tổng tài sản				**2.512.869.600.595**
Công nợ bộ phận	*1.341.071.970.813*	*46.527.474.775*	*(432.601.253.376)*	*954.998.192.212*
Công nợ không phân bổ				*57.992.909.514*
Tổng công nợ				**1.012.991.101.726**

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết HĐQT Số 50/2026/NQ/HĐQT/YEG và Số 51/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 23 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương ủy thác đầu tư vốn cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB để thực hiện hoạt động đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Tera Group và Công ty Cổ phần Tera Ventures, với số vốn ủy thác lần lượt là 260.000.000.000 VND và 172.800.000.000 VND theo hình thức hợp đồng ủy thác đầu tư, tỷ lệ sở hữu sau khi đầu tư tại mỗi công ty không vượt quá 49,99%.

Ngoài các sự kiện được trình bày ở *Thuyết minh số 1, 7 và 10*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn